

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ CÁC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHO TỪNG HỌC KỲ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Tên ngành: Quản trị Kinh doanh

Mã ngành: 6340404

HỌC KỲ 1 (20 Tín chỉ)	HỌC KỲ 2 (20 Tín chỉ)	HỌC KỲ 3 (21 Tín chỉ)	HỌC KỲ 4 (25 Tín chỉ)
Marketing căn bản MH3142618, 2(1,1)	Quản trị Marketing MH3142624, 2(1,1)	Kỹ năng bán hàng MH3142629, 3(1,2)	Quản trị quan hệ khách hàng MH3142627, 2(1,1)
Quản trị học MH3042652, 2(1,1)	Kinh doanh quốc tế MH3142661, 2(1,1)	Thương mại điện tử MH3142659, 3(2,1)	Quản trị Chuỗi cung ứng MH3142644, 3(2,1)
Kinh tế học MH3142660, 3(1,2)	Kế toán quản lý doanh nghiệp MH3142663, 3(2,1)	Quản trị tài chính doanh nghiệp MH3142666, 3(2,1)	Quản trị dự án MH3142667, 3(2,1)
Giao tiếp trong kinh doanh MH3142619, 2(1,1)	Thống kê quản lý Doanh nghiệp MH3142664, 3(2,1)	Quản trị sản xuất và điều hành MH3142668, 3(2,1)	Quản trị chất lượng MH3142669, 3(2,1)
Pháp luật MH3108103, 2(2,0)	Luật kinh tế MH3042627, 2(1,1)	Quản trị nguồn nhân lực MH3142640, 3(2,1)	Quản trị chiến lược MH3142665, 3(2,1)
Tiếng Anh 1 MH3107260, 2(1,1)	Tiếng Anh 2 MH3107261, 2(1,1)	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh MH3142662, 2(1,1)	Khởi sự kinh doanh MH3142622, 2(1,1)
Giáo dục chính trị MH3108021, 5(5,0)	Tin học MH3101260, 3(1,2)	Quản trị hành chính văn phòng MH3142620, 2(1,1)	Tự chọn (3 Tín chỉ)
Giáo dục thể chất MH3109105, 2(0,2)	Giáo dục quốc phòng và an ninh MH3109022, 3(2,1)	Thực tập doanh nghiệp 1 MH3142670, 2(0,2)	Thực tập doanh nghiệp 2 MH3142671, 6(0,6)

Chọn 1 trong 4 môn
Quản trị Xuất nhập khẩu MH3142672, 3(2,1)
Đạo đức kinh doanh MH3142673, 3(2,1)
Quản trị sự thay đổi MH3142674, 3(2,1)
Tổ chức lao động khoa học MH3142675, 3(2,1)

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG
QLĐT & NCKH

TRƯỞNG KHOA

(Signature)

(Signature)

(Signature)

Nguyễn Lưu Minh Triết

(Signature)

Phan Văn Thanh Cần